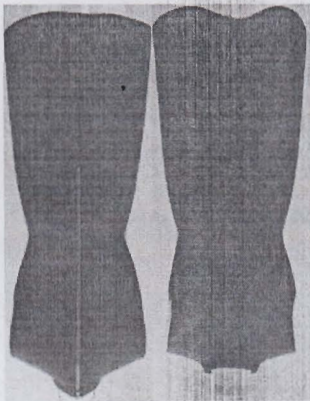


福星制衣越南廠 制衣工程 IE 出數核定流程表

1. 由越南廠的IE人員，依據上線款式，製作工程表及時間初估表。
2. 經越南廠生產部會商研究後，由生產主管提出效率建議與工程改善說明。並簽字
3. 經越南廠總經理核實後，將文件呈送臺北公司做最後核可。
4. 依臺北公司核可之IE數據後，作為越南廠的效率評估與績效獎金標準。

款式： G16-172D	款式說明：女裝洋裝 订单:300 件	制表人：阿草	日期：2016/05/18 文件編號：
參考雷同款：		照片	
生產車縫時間：2471 特車組時間：0	生產車縫時間：2471 特車組時間：0	IE 總出數：11.66	

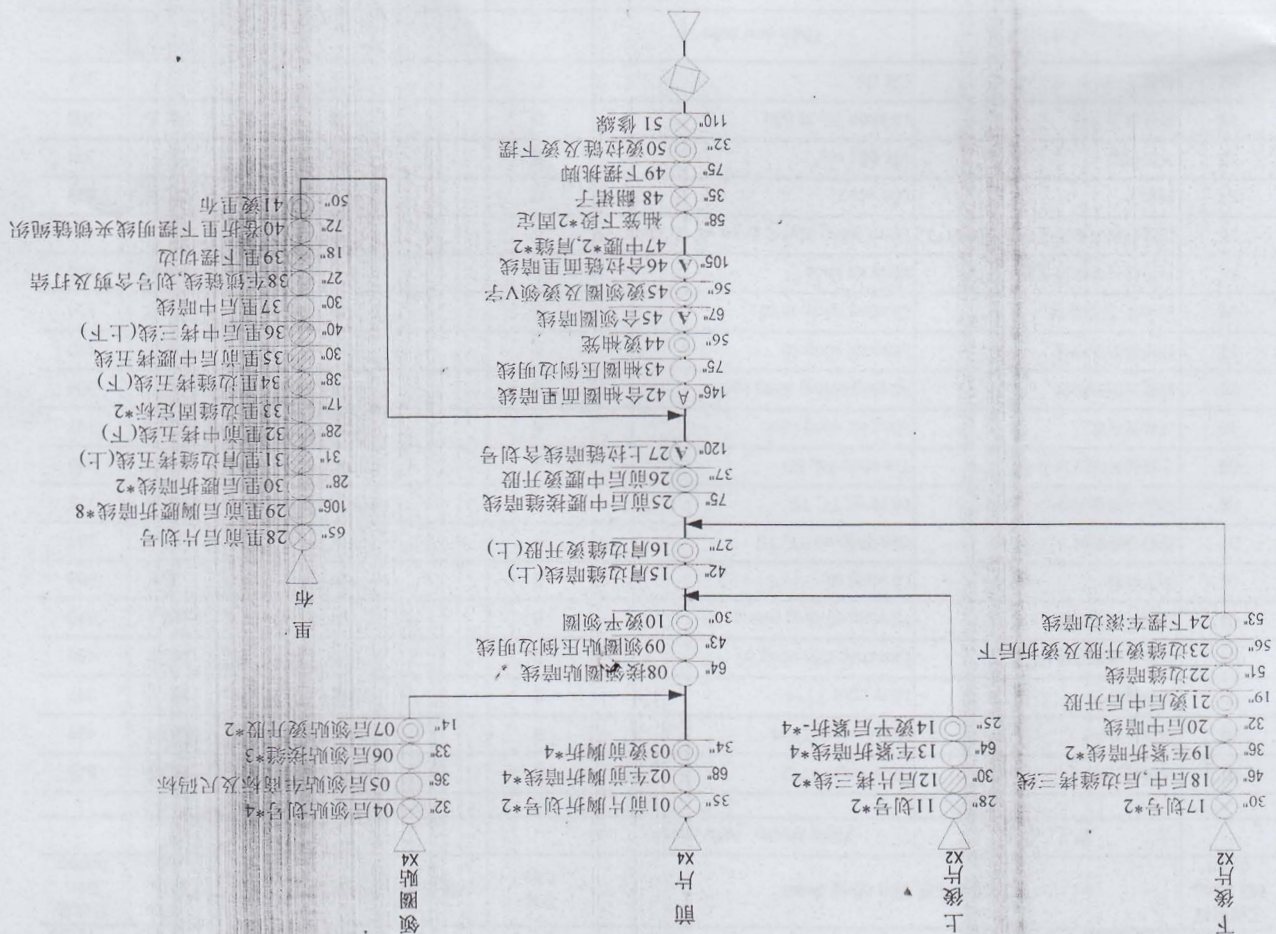
PPIC 主管：

2016/5/18



作業別	車縫組(秒)	車組(秒)
平車作業	1555	
鐘針車作業	0	
特種車作業	215	0
手縫作業	339	
手工作業	335	0
合計工時(秒)	2471	0
出數(件)	11.66	0
總出數	11.66	
總合計工時(秒)	2471	11.66

作業別明細表



G16-172D 縫製流程圖

客戶: ELLENTRACY

2016/05/18 阿草

FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD
SEWING OPERATION LIST

TAIPEI IE OUTPUT:

11.66

STYLE NO: 616-172D
DATE: 17/5/2016

Mã công đoạn	工段名稱	Tên công đoạn	等級	合縫記号	使用机器	Thời gian	金額	日產量
--------------	------	---------------	----	------	------	-----------	----	-----

前片、組合
Thần trước, Mẫu chính

01	前胸折记号*2	SD lỵ ngực TT*2	C		手工	35	290.5	823
02	前胸折暗线*4	May lỵ ngực TT*4	B		平车	68	598.4	424
03	前胸折*4	Là lỵ ngực TT*4	B		手缝	34	299.2	847
04	领圈接领圈贴暗线	Can chắp đáp vòng cổ	B		平车	64	563.2	450
05	领圈压倒边明线	Mỉ vòng cổ tăng cường, sd	B		平车	43	378.4	670
06	烫平领圈	Là vòng cổ	B		手缝	30	264	960
07	前胸中腰暗线	Can chắp eo TT, TS	A		平车	75	697.5	384
08	前胸中腰烫开股	Là rẽ eo TT, TS	B		手缝	37	325.6	778
09	上拉链暗线含划号	Tra khóa TS, SD	A		平车	120	1116	240
10	合袖笼暗线	Lồng lốt vòng nách	A		平车	146	1357.8	197
11	袖笼压倒边明线	Mỉ tăng cường vòng nách	B		平车	75	660	384
12	合领圈面里暗线	Lồng lốt vòng cổ	A		平车	67	623.1	430
14	烫袖笼, 领圈连领	Là vòng nách, là cổ	B		手缝	56	492.8	514
15	合门襟拉链暗线含翻	Lồng lốt khóa	A		平车	105	976.5	274
16	边缝中腰面里固定*4固定肩缝*2, 2	Chim giằng váy*4, ghim vai*2, ghim nách	B		平车	58	510.4	497
17	翻肩子	Lộn váy	C		手工	35	290.5	823
18	下摆挑脚	Vắt gấu váy	B		挑脚	75	660	384
19	烫拉链及下摆	Là khóa TS, là gấu	B		手缝	32	281.6	900
XZ	修线	Cắt chỉ	C		手工	110	913	262
上后片*2								
Thần sau trên*2								
A01	后片划号*2(上)	SD TS trên*2	C		手工	28	232.4	1029
A02	后中拷三线*2(上)	VS 3 chỉ TS trên*2	B		拷克	30	264	960
A03	后片车领紧褶暗线*2	May lỵ cổ TS*2	B		平车	30	264	960
A04	后片车腰褶暗线*2	May lỵ eo TS*2	B		平车	34	299.2	847
A05	烫后紧褶*4	Là rẽ lỵ cổ, lỵ eo TS*4	B		手缝	25	220	1152
A06	肩边缝暗线(上)	Can chắp sườn vai trên	B		平车	42	369.6	686
A07	肩边缝烫开股(上)	Là rẽ sườn vai trên	B		手缝	27	237.6	1067
下后片*2								
Thần sau dưới*2								
B01	下后片划号*2	SD TS dưới*2	C		手工	30	249	960
B02	下后中, 后边缝拷三线	VS 3 chỉ giữa sau, sườn TS	B		拷克	46	404.8	626
B03	下后车腰褶暗线*2	May lỵ eo TS dưới*2	B		平车	36	316.8	800
B04	后中暗线一段	Can chắp giữa sau dưới 1 đoạn	B		平车	32	281.6	900
B05	后中开股烫	Là rẽ giữa sau dưới	B		手缝	19	167.2	1516
B06	边缝暗线*2(下)	Can chắp sườn dưới	B		平车	51	448.8	565
B07	边缝烫开股及烫折前后下摆	Là rẽ sườn dưới, là gấp gấu TT, TS	B		手缝	56	492.8	514
B08	下摆车缝边条	Cuốn viền gấu TT, TS	B		平车	53	466.4	543
领圈贴*4								
Đáp cổ*4								
C01	领圈贴号*4	SD đáp cổ*4	C		手工	32	265.6	900
C02	后领贴车商标及尺码标	Mỉ mắc cổ, ghim mắc vào đáp cổ	B		平车	36	316.8	800
C03	领圈贴接缝*3	Can đáp cổ*3	B		平车	33	290.4	873
C04	领圈贴烫开股*3	Là rẽ đáp cổ*3	B		平车	14	123.2	2057

FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD
SEWING OPERATION LIST

TAIPEI IE OUTPUT: 11.66
VN IE OUTPUT: 11.66

STYLE NO: 616-172D
DATE: 17/5/2016

Mã công đoạn	工段名稱	Tên công đoạn	等級	合縫記号	使用机器	時間	金額	日產量
	里布	Lót						
D01	里前胸折记号*2	SD lỵ eo TT*2	C		手工	25	207.5	1152
D02	里后上片划号*2	SD TS lốt trên dưới*2	C		手工	40	332	720
D03	里前胸折暗线*4	May lỵ eo TT lốt*4	B		平车	53	466.4	543
D04	里后上片车腰折*4	May lỵ lốt TS trên*4	B		平车	53	466.4	543
D05	里后下片车腰折*2	May lỵ lốt TS dưới*2	B		平车	28	246.4	1029
D06	里肩边缝拷五线(上)	VS 5 chỉ sườn vai trên	B		拷克	31	272.8	929
D07	边缝固定标*2	Ghim móc sườn*2	B		平车	17	149.6	1694
D08	里边缝拷五线(下)	VS 5 chỉ sườn dưới	B		拷克	38	334.4	758
D09	里前后中拷五线	VS 5 chỉ eo lốt	B		拷克	30	264	960
D10	里后中上下拷三线	VS 3 chỉ giữa sau lốt trên dưới	B		拷克	40	352	720
D11	里后中暗线一段	Can chấp giữa sau lốt 1 đoạn	B		平车	30	264	960
D12	车锁缝线,划号及打结	May dây giằng gấu, sd, cắt buộc	B		平车	27	237.6	1067
D12-1	里下摆切边	Chém gấu lốt, sd	C		切边	18	149.4	1600
D13	卷折里下摆及锁缝组织	Diều gấu lốt, dặt giằng gấu lốt	B		平车	72	633.6	400
D14	烫里布	Là lốt	B		平烫	50	440	576
TOTAL						2471	21825	11.66



製表人: 阿草

作业别	车缝(秒)	Chuyên may	Chuyên môn					
平车作业	1555							
双针车作业	0							
特种车作业	215							
手烫作业	366							
手工作业	335							
合记工时(秒)	2471							
出数(件)(SL CN)	11.66	#DIV/0!						
总出数:	2471							
总合计时(秒)	11.66							